5. Vận tải hành khách của địa phương tháng 7

	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính tháng 7/2013	Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2013	Tháng 7/2013 so với tháng 6/2013 (%)	7 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012 (%)
A. VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH - Nghìn hành khách	**8.178**	**1.195**	**9.373**	**100,15**	**105,08**
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	41	7	48	106,14	118,04
Ngoài nhà nước	8.136	1.188	9.324	100,11	105,02
Khu vực đầu tư nước ngoài	_	_	_	_	_
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	7.782	1.129	8.911	100,04	102,01
Đường sông	396	66	462	102,08	251,02
Đường biển	_	_	_	_	_
B. LUÂN CHUYỂN HÀNH KHÁCH - Nghin HK.Km	**487.568**	**82.004**	**569.571**	**100,15**	**100,52**
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	9.737	1.631	11.367	107,12	117,65
Ngoài nhà nước	477.831	80.373	558.204	100,01	100,22
Khu vực đầu tư nước ngoài	_	_	_	_	_
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	487.287	81.955	569.242	100,14	100,49
Đường sông	281	49	330	102,35	242,54
Đường biển	_	_	_	_	_

6. Vận tải hàng hóa của địa phương tháng 7

	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính tháng 7/2013	Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2013	Tháng 7/2013 so với tháng 6/2013 (%)	7 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012 (%)
A. VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ - Nghìn tấn	**4.995**	**910**	**5.905**	**103,76**	**106,38**
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	_	_	_	_	_
Ngoài nhà nước	4.995	910	5.905	103,76	106,38
Khu vực đầu tư nước ngoài	_	_	_	_	_
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	4.957	903	5.860	103,73	106,59
Đường sông	38	7	45	108,56	84,49
Đường biển	_	_	_	_	_
B. LUÂN CHUYỂN HÀNG HOÁ - Nghìn tấn.km	**317.914**	**55.913**	**373.827**	**103,11**	**101,11**
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	_	_	_	_	_
Ngoài nhà nước	317.914	55.913	373.827	103,11	101,11
Khu vực đầu tư nước ngoài	_	_	_	_	_
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	310.320	54.426	364.746	103,08	101,61
Đường sông	7.594	1.487	9.081	104,49	84,49
Đường biển	_	_	_	_	_